



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT  
----------

ĐÀNG QUANG VẰNG

**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THANH KHOẢN  
CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ



Tp. Hồ Chí Minh – Năm 2018

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT  
----------

ĐÀNG QUANG VẰNG

**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THANH KHOẢN  
CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số chuyên ngành: 62.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Tp. Hồ Chí Minh – Năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Kinh tế -Luật – ĐHQG-HCM

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Trương Quang Thông

Phản biện độc lập 1: .....

Phản biện độc lập 2: .....

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Phản biện 3: .....

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp trường  
họp tại: .....

.....

Vào hồi      giờ      ngày      tháng      năm

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện trung tâm ĐHQG-HCM
- Thư viện Khoa học Tổng hợp Tp.HCM
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế -Luật – ĐHQG-HCM

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Đặt vấn đề nghiên cứu

Thanh khoản là yếu tố quan trọng quyết định đến sự an toàn trong hoạt động của bất cứ tổ chức tín dụng nào. Từ thực tế của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng nguyên nhân của khủng hoảng là do yếu kém của hệ thống tài chính mà điểm chính là sự thiếu hụt thanh khoản của NHTM. Nhiều NHTM, mặc dù kinh doanh có lợi nhuận nhưng vẫn có thể đối mặt với những khó khăn trong việc quản lý tài sản và nguồn vốn hiệu quả nên dẫn đến khủng hoảng thanh khoản. Cùng chung với nhận định trên, theo Ủy ban giám sát ngân hàng Basel (BCBS, 2008) nguyên nhân gốc rễ của khủng hoảng tài chính là vấn đề thanh khoản của NHTM chưa được quan tâm đúng mức trong thời gian qua và rồi sau đó chính khủng hoảng tài chính lại tác động ngược lại đến thanh khoản của ngân hàng.

Nếu so với vấn đề khác trong hoạt động của ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, v.v..., có lẽ thanh khoản là đề tài ít được thảo luận trong các nghiên cứu hàn lâm. Phương pháp đo lường thanh khoản cũng là vấn đề đang gặp nhiều tranh luận, mặc dù vai trò cung cấp thanh khoản của ngân hàng đối với tăng trưởng kinh tế được nghiên cứu lâu đời (từ thời Adam Smith, 1776). Tuy nhiên, đến thập niên 80 của thế kỷ 20 thì phương pháp đo lường thanh khoản mới bắt đầu được mô hình hóa, được gọi là mô hình chuyển đổi thanh khoản (transformation liquidity) được thực hiện bởi Bryant (1980) và Diamond & Dybvig (1983).

Dựa trên mô hình chuyển đổi thanh khoản trên, các nghiên cứu sau này xây dựng 2 phương pháp đo lường thanh khoản. Thứ nhất, phương pháp đo lường thanh khoản bằng khe hở chuyển đổi thanh khoản (Liquidity Transformation Gap – LTGAP), tức là chênh lệch kỳ hạn giữa tiền gửi ngắn hạn và khoản cho vay dài hạn, được đề xuất bởi Deep & Schaefer (2004). Thứ hai, phương pháp đo lường thanh khoản bằng cách xác định giá trị thanh khoản (Create liquidity) mà ngân hàng tạo ra

cho nền kinh tế, gọi là phương pháp BB vì phương pháp này được đề xuất bởi Berger & Bouwman (2009).

Ngoài hai phương pháp đo lường thanh khoản nêu trên, hiện nay có một số nghiên cứu đo lường thanh khoản bằng phương pháp hệ số cũng được áp dụng tại các ngân hàng. Hệ số thanh khoản là các hệ số khác nhau được tính toán từ bảng cân đối kế toán ngân hàng. Các hệ số này được sử dụng để dự đoán xu hướng diễn biến chính của thanh khoản.

Song song với việc xây dựng phương pháp đo lường thanh khoản, các nghiên cứu còn phân tích và tìm kiếm các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng. Nhìn chung các nghiên cứu ở nước ngoài đều phát hiện các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản bởi hai nhóm: nhóm nhân tố bên trong (vốn chủ sở hữu, tỷ suất sinh lợi, dự phòng rủi ro tín dụng, quy mô,...) và nhóm nhân tố bên ngoài (GDP, lạm phát, dự trữ bắt buộc, cung tiền  $M_2$ ,...). Tuy nhiên, tùy theo chính sách của mỗi quốc gia, bối cảnh kinh tế hoặc thời gian nghiên cứu khác nhau nên kết quả của nhân tố tác động đến thanh khoản của ngân hàng khác nhau..

Tại Việt Nam các nghiên cứu về thanh khoản còn tương đối ít, chỉ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 thì các vấn đề thanh khoản được quan tâm nhiều hơn. Các nghiên cứu chỉ tập trung phân tích thanh khoản cho cả hệ thống NHTM, trong khi mỗi ngân hàng hoặc mỗi nhóm ngân hàng đều có những đặc điểm riêng nên chịu tác động của các nhân tố sẽ khác nhau.

Kết quả nghiên cứu tại Việt Nam và thế giới chỉ xem xét tác động của các nhân tố đến giá trị trung bình chung của biến phụ thuộc (thanh khoản). Trong khi có thể tồn tại kết quả nghiên cứu khác so với giá trị trung bình khi các biến độc lập tác động đến thanh khoản tại các giá trị khác (ngoài giá trị trung bình chung) của biến phụ thuộc, từ kết quả này có thể giúp cho các nhà quản trị ngân hàng đưa ra các quyết sách cho từng mức thanh khoản của ngân hàng mà các nghiên cứu trước đây chưa đề cập đến.

Từ những vấn đề được trình bày ở trên cho thấy thanh khoản của ngân hàng vẫn còn nhiều tranh luận và cần tiếp tục làm sáng tỏ nên tác giả chọn đề tài “*Các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam*” để thực hiện nghiên cứu luận án tiến sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến nội dung luận án**

Thanh khoản luôn gắn liền với hoạt động của NHTM, với “vai trò cơ bản của ngân hàng trong việc chuyển hóa kỳ hạn các khoản ký thác ngắn hạn (tiền gửi của khách hàng) thành những khoản cho vay dài hạn làm cho ngân hàng luôn trong trạng thái dễ bị tổn thương trước rủi ro thanh khoản” (BCBS, 2008). Các nhà nghiên cứu theo cách tiếp cận khác nhau đã xây dựng phương pháp đo lường thanh khoản của NHTM theo các quan niệm khác nhau:

*Thứ nhất*, nghiên cứu lý thuyết của tác giả nổi tiếng trên thế giới Diamond & Dybvig (1983) về mô hình chuyển đổi thanh khoản (liquidity transformation), chuyển đổi từ các khoản nợ phải trả có thanh khoản cao (liquid liabilities) thành tài sản thanh khoản kém (illiquid assets). Quá trình chuyển đổi thanh khoản xảy ra sự mất cân xứng giữa nguồn cung cấp thanh khoản và nhu cầu vay vốn của khách hàng, do đó đòi hỏi ngân hàng làm trung gian thanh khoản. Deep & Scheafer (2004) đã đo lường mức độ chênh lệch kỳ hạn chuyển đổi để tạo thanh khoản bằng công thức chênh lệch giữa nợ phải trả (tiền gửi ngắn hạn) và tài sản thanh khoản chia cho tổng tài sản trên bảng cân đối kế toán, còn được gọi là khe hở chuyển đổi thanh khoản – Liquidity Transformation Gap (LTGAP).

*Thứ hai*, một trong những nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm kinh điển về thanh khoản của Berger & Bouwman (2009), nhận thấy vai trò quan trọng của đo lường thanh khoản của ngân hàng và động lực cho các nghiên cứu thực nghiệm sau này. Berger & Bouwman (2009) đã đo lường thanh khoản dựa trên cả bên tài sản và bên nguồn vốn của bảng cân đối kế toán.

*Thứ ba*, nghiên cứu thanh khoản theo hướng tiếp cận hệ số, sử dụng các hệ số khác nhau trên bảng cân đối kế toán để đo lường thanh khoản của ngân hàng

như: hệ số tài sản thanh khoản/tổng tài sản, cho biết khả năng chịu đựng cú sốc thanh khoản (Vodová. P, 2011), (Bunda & Desquilbet, 2008); hệ số tài sản thanh khoản/(tiền gửi + các khoản đi vay ngắn hạn) cho biết khả năng xảy ra rủi ro của ngân hàng khi sử dụng nguồn tài trợ (Vodová. P, 2011), (Inoca Munteanu, 2012); hệ số cho vay/tổng tài sản (O. Aspachs et al, 2005), hệ số này càng cao thì khả năng thanh khoản càng kém; hệ số cho vay/huy động vốn (W. Moore, 2009), hệ số này càng cao thì thanh khoản càng thấp,...

*Thứ tư*, nghiên cứu thanh khoản dựa vào nguồn cung thanh khoản, nguồn cung thanh khoản chủ yếu bao gồm: các khoản tiền gửi của khách hàng, thị trường tài sản, thị trường liên ngân hàng và NHTW.

### 3. Mục tiêu nghiên cứu

**Mục tiêu tổng quát:** Vận dụng lý thuyết về mô hình chuyển đổi thanh khoản của Bryant (1980), Diamond & Dybvig (1983) và phương pháp đo lường thanh khoản của Deep & Schaefer (2004) để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam, từ đó đưa ra các giải pháp và kiến nghị nhằm quản trị thanh khoản của ngân hàng một cách có hiệu quả nhất.

**Mục tiêu cụ thể:** Từ mục tiêu nghiên cứu tổng quát trên, các mục tiêu cụ thể của luận án bao gồm:

(1). Luận án nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng từ các nghiên cứu trước đây, đề xuất các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

(2). Luận án thực hiện hồi quy GMM nhằm phân tích tác động của các nhân tố đến thanh khoản của ngân hàng tại mức giá trị trung bình chung và thực hiện hồi quy tứ phân vị để đánh giá tác động của các nhân tố đến biến phụ thuộc (thanh khoản) ở mức giá trị khác, ngoài giá trị trung bình chung.

(3). Cuối cùng là đưa ra hàm ý chính sách và đề xuất các giải pháp nhằm quản trị thanh khoản của ngân hàng thương mại Việt Nam hiệu quả vừa đảm bảo thanh khoản, an toàn trong hoạt động và đáp ứng khả năng sinh lời.

#### **4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu**

- *Đối tượng nghiên cứu của luận án* là các ngân hàng thương mại Việt Nam (không bao gồm ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam).

- *Phạm vi nghiên cứu* của luận án được giới hạn trên những khía cạnh sau:

(i) Nội dung nghiên cứu trong luận án là tập trung phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của từng nhóm ngân hàng. Dựa trên quy mô tổng tài sản, Ngân hàng thương mại Việt Nam được chia thành 2 nhóm: nhóm ngân hàng có quy mô tổng tài sản lớn và nhóm ngân hàng có quy mô tổng tài sản nhỏ.

(ii) Luận án sử dụng số liệu dựa trên báo cáo tài chính của 31 ngân hàng thương mại Việt Nam gồm ngân hàng thương mại Nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân (không bao gồm ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài) giai đoạn 2005 – 2015.

#### **5. Phương pháp luận nghiên cứu**

##### **5.1. Cơ sở và mô hình lý thuyết**

Nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu đã đặt ra như trên, luận án tiếp cận cơ sở lý thuyết như sau:

- Dựa trên lý thuyết thanh khoản và mô hình chuyển đổi thanh khoản của Bryant (1980), Diamond & Dybvig (1983) và mô hình đo lường thanh khoản của Deep & Scheafer (2004) để xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản.

- Các nhân tố lựa chọn đưa mô hình được dựa vào giả thuyết nghiên cứu và các nghiên cứu thực nghiệm trước đây liên quan đến đề tài.

##### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**



Nhằm thực hiện mục tiêu đề ra và trả lời các câu hỏi nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án bao gồm phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng.

- *Phương pháp nghiên cứu định tính* bao gồm nghiên cứu tổng quan lịch sử dựa trên tổng quan các nghiên cứu thực nghiệm, các giả thuyết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản để đưa vào mô hình. Ngoài ra, nghiên cứu định tính còn mô tả số liệu thống kê tình hình thanh khoản, mối quan hệ của từng nhân tố đến thanh khoản của NHTMVN.

- *Phương pháp nghiên cứu định lượng* bao gồm phân tích định lượng hồi quy GMM, hồi quy phân vị (tứ phân vị - quantile) và thực hiện các kiểm định để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của từng nhóm NHTMVN.

### **5.3. Nguồn số liệu và phương pháp thu thập**

Nguồn số liệu được thu thập cho nghiên cứu là nguồn dữ liệu thứ cấp, bao gồm:

- Số liệu được thu thập từ báo cáo tài chính hàng năm của 31 NHTMVN, gồm NHTMNN và NHTMCP tư nhân (không bao gồm các NHTM và Chi nhánh NHTM nước ngoài tại Việt Nam), giai đoạn 2005-2015 (11 năm).

- Số liệu kinh tế vĩ mô như: GDP, lạm phát và cung tiền  $M_2$  được thu thập từ Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF).

### **5.4. Phương pháp xử lý số liệu**

Để đánh giá thực trạng tình hình thanh khoản và mô tả tác động của các nhân tố đến thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam, luận án sử dụng phần mềm Microsoft Excel 2013 để nhập dữ liệu và phân tích thống kê mô tả.

Để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng thương mại Việt Nam, luận án sử dụng phần mềm STATA để phân tích và kiểm định mô hình hồi quy dữ liệu bảng.

## **6. Những đóng góp khoa học và điểm mới của luận án**

Nghiên cứu về thanh khoản đã được thực hiện nhiều trên thế giới và Việt Nam trong những năm gần đây, nhất là sau thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã cho thấy thanh khoản càng đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động của ngân hàng. Tuy nhiên, chưa nghiên cứu nào về thanh khoản theo phương pháp hồi quy GMM kết hợp với hồi quy phân vị khi phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến thanh khoản của ngân hàng. Bên cạnh đó, tại Việt Nam chưa có nghiên cứu nào chia ngân hàng thương mại Việt Nam thành hai nhóm khác nhau để đánh giá tình hình thanh khoản và các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của từng nhóm ngân hàng riêng biệt. Do đó, luận án có những đóng góp cả về tính lý luận và tính thực tiễn ở nội dung sau:

- Luận án đã hệ thống lại các lý thuyết về thanh khoản, từ lý thuyết tạo thanh khoản của ngân hàng theo nghiên cứu của Bryant (1980) và Diamond & Dybvig (1983) đến các phương pháp đo lường thanh khoản thường được áp dụng hiện nay, từ đó luận án đã lựa chọn phương pháp đo lường thanh khoản phù hợp cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.

- Luận án đầu tiên tại Việt Nam phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng thương mại theo từng nhóm quy mô tài sản của ngân hàng. Việc phân nhóm ngân hàng phù hợp với thực tiễn hơn vì mỗi nhóm quy mô tài sản đều các đặc điểm riêng nên tác động của nhân tố đến thanh khoản có sự khác biệt giữa hai nhóm ngân hàng.

- Luận án lần đầu tiên áp dụng phương pháp hồi quy GMM kết hợp với hồi quy phân vị để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết hợp hai phương pháp hồi quy này kết quả cho thấy phù hợp với thực tiễn đối với ngân hàng thương mại Việt Nam: phương pháp GMM cho biết tác động của các biến độc lập đến giá trị trung bình chung của biến phụ thuộc, qua đó đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản một cách tổng quát. Trong khi đó, phương pháp hồi quy phân vị cho biết tác động của biến độc lập lên biến phụ thuộc tại các phân vị khác nhau, qua đó đánh giá các nhân tố ảnh hưởng thanh khoản một cách chi tiết hơn, đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến từng mức giá trị thanh khoản của ngân hàng.

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực nghiệm, luận án đề xuất giải pháp và kiến nghị nhằm quản trị thanh khoản phù hợp cho từng nhóm quy mô tài sản ngân hàng và cho từng phân vị của biến phụ thuộc.

## **7. Ý nghĩa của luận án**

Nghiên cứu này mang ý nghĩa khoa học lẫn thực tiễn ở các khía cạnh như sau:

- Luận án đã đánh giá tác động các nhân tố đến từng phân vị của biến phụ thuộc của từng nhóm quy mô tài sản của ngân hàng.

- Trong khuôn khổ phân tích từ kết quả của mô hình và tổng hợp các nhận định, luận án đã đưa ra những điểm bất cập trong chính sách quản lý, từ đó đưa ra các giải pháp thích hợp nhằm quản lý thanh khoản hiệu quả, đảm bảo cho NHTM Việt Nam hoạt động lành mạnh và có khả năng sinh lợi cao.

## **CHƯƠNG 1**

# **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THANH KHOẢN VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THANH KHOẢN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

### **1.1. Thanh khoản của ngân hàng thương mại**

Trong tài chính trung gian, thuật ngữ “thanh khoản” có nhiều khái niệm khác nhau. Theo khái niệm đơn giản nhất của Alshatti (2015) “thanh khoản của NHTM là khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn”. Từ những khái niệm trên, chúng ta có thể đưa ra khái niệm cơ bản về thanh khoản như sau: “thanh khoản là khả năng biến đổi một tài sản nào đó ra tiền mặt một cách nhanh chóng, với một chi phí thấp nhất có thể. Có thể thấy thanh khoản không phải là một số tiền cụ thể hay là một tỷ lệ nào đó, mà thanh khoản là sự thể hiện khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán của một ngân hàng

### **1.2. Tổng quan lý thuyết về thanh khoản**

Phân tích vai trò của ngân hàng trong việc tạo ra thanh khoản và qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đã có nghiên cứu từ lâu. Tuy nhiên, lý thuyết về ngân hàng tạo giá trị thanh khoản chỉ được nghiên cứu chính thức và được mô hình hóa bởi Bryant (1980) và sau đó là Diamond & Dybvig (1983). Mô hình nghiên cứu tạo giá trị thanh khoản cho nền kinh tế được gọi là mô hình chuyển đổi thanh khoản (transformation liquidity), tức là chuyển đổi các khoản nợ (chủ yếu là tiền gửi) thành những khoản cho vay dài hạn. Diamond & Dybvig (1983) cho rằng ngân hàng tồn tại bởi vì họ cung cấp thanh khoản có bảo hiểm tốt hơn thị trường tài chính. Tuy nhiên, chính người bảo hiểm bảo đảm thanh khoản nên ngân hàng phải đối mặt với rủi ro chuyển đổi.

Với mô hình chuyển đổi trên thì ngân hàng được xem là nôi thanh khoản và quá trình chuyển đổi này sẽ xảy ra các vấn đề sau:

- (i) Ngân hàng cung cấp giá trị thanh khoản cho nền kinh tế và kích thích tăng trưởng kinh tế.
- (ii) Chênh lệch kỳ hạn giữa nợ phải trả ngắn hạn (tiền gửi ngắn hạn) và cho vay dài (tài sản dài hạn), gây rủi ro thanh khoản khi mất cân đối của kỳ hạn.
- (iii) Trong quá trình chuyển đổi các khoản nợ ngắn hạn thành tài sản dài hạn sẽ chịu tác động của các nhân tố.

Có thể nói, những nghiên cứu trên và điển hình là nghiên cứu của Bryant (1980), Diamond & Dybvig (1983) đã có cách nhìn sâu sắc về thanh khoản và quá trình tạo thanh khoản của ngân hàng. Tuy nhiên, những nghiên cứu này lại chưa quan tâm đến phương pháp đo lường thanh khoản của ngân hàng. Do vậy, các nghiên cứu sau này đã kế thừa và phát triển các nghiên cứu trước đây, từ đó xây dựng nên các phương pháp đo lường thanh khoản của ngân hàng.

### **1.3. Tổng quan một số nghiên cứu thực nghiệm về các thanh khoản và các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng thương mại**

Căn cứ vào các lý thuyết thanh khoản, nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đã phát hiện những nhân tố tác động đến thanh khoản của ngân hàng theo từng quốc gia, khu vực, thể chế chính trị,... và được nhóm thành các nhân tố khác nhau, bao gồm: các nhân tố bên trong ngân hàng (quy mô tổng tài sản, nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài, vốn chủ sở hữu, các khoản nợ không thu hồi được, dự phòng rủi ro tín dụng, lợi nhuận, chênh lệch lãi suất,...) và các nhân tố bên ngoài như lạm phát, tốc độ tăng trưởng GDP, thất nghiệp, cung tiền M2, khủng hoảng chính trị,... Bên cạnh đó một vài nghiên cứu trên thế giới cũng phát hiện khủng hoảng tài chính toàn cầu là nhân tố quan trọng tác động đến thanh khoản của ngân hàng tại một số quốc gia như các nước vùng Caribbean (W.Moore, 2009; Bonfim & Kim, 2011), Cộng hòa Séc và Slovak (Vodova, 2013). Trong nghiên cứu này, luận án hệ thống lại các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản được dựa trên một số bằng chứng nghiên cứu thực nghiệm của một số tác giả trên thế giới.

#### **1.4. Khoảng trống trong nghiên cứu**

Từ những nghiên cứu thực nghiệm về thanh khoản của một số nước trên thế giới và tại Việt Nam, tác giả có thể nhận xét như sau:

- Các nghiên cứu trên đều chỉ xem xét tác động của biến độc lập lên biến phụ thuộc (thanh khoản) ở mức giá trị trung bình của hàm hồi quy, trong khi có thể tồn tại tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc ở mức giá trị khác (giá trị cao hơn hoặc thấp so với giá trị trung bình) đưa đến kết quả nghiên cứu khác so với kết quả nghiên cứu chỉ dựa trên giá trị trung bình của biến phụ thuộc.

- Hầu hết các nghiên cứu thanh khoản trên thế giới, kể cả các nước có nền kinh tế mới nổi như các nước BRICS, Romani, Cộng hòa Sec, Slovak đều sử dụng dữ liệu của các ngân hàng có niêm yết trên sàn chứng khoán, do đó yếu tố thị trường chứng khoán và các nhân tố vĩ mô là những nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến thanh khoản của các ngân hàng niêm yết. Trong khi đặc thù của NHTMVN theo mẫu quan sát thì có 21/31 ngân hàng chưa niêm yết, nên các nhân tố tác động hoặc mức độ tác động của các nhân tố lên thanh khoản của ngân hàng sẽ khác nhau.

- Các nghiên cứu tại Việt Nam không tách ra từng nhóm ngân hàng cụ thể mà chỉ nghiên cứu cho cả hệ thống hoặc tất cả các ngân hàng. Tuy nhiên, với đặc

tính quy mô tài sản và quyền chủ sở hữu khác nhau thì mức độ và ý nghĩa của từng nhân tố tác động lên thanh khoản của ngân hàng sẽ khác nhau.

- Các nghiên cứu tại Việt Nam chỉ tập trung nghiên cứu tác động của biến nội tại lên thanh khoản, ít có nghiên cứu xem xét ảnh hưởng của biến vĩ mô đến thanh khoản, đặc biệt là biến ảnh hưởng khủng hoảng tài chính đã làm cho nền kinh tế Việt Nam suy giảm mạnh, có thể tác động mạnh đến nguồn cung và nguồn cầu thanh khoản nhưng vẫn chưa được quan tâm phân tích khi nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của các NHTMVN.

## **1.5. Xây dựng mô hình tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam**

### **1.5.1. Giả thuyết các biến tác động đến thanh khoản**

#### **1.5.2. Mô hình nghiên cứu**

Từ tổng quan lý thuyết, các công trình nghiên cứu và các giả thuyết nghiên cứu được trình bày ở trên, luận án lựa chọn các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của NHTM Việt Nam. Cụ thể, biến độc lập được dựa vào các giả thuyết nghiên cứu (được trình bày tại mục 1.5) có tính đặc thù tại Việt Nam, đối với biến phụ thuộc (thanh khoản) được đo lường theo phương pháp (LTGAP) của Deep & Sheaffer (2004) với lý do lựa chọn được giải thích tại mục 1.2.5. Từ đó, luận án mô phỏng sơ đồ mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của NHTMVN như sau:

$$Y_{it} = c_i + Y_{it-1} + \beta_1 EFD_{it} + \beta_2 ETA_{it} + \beta_3 DUMMY-LISTED + \beta_4 LLPTL_{it} + \beta_5 ROE + \beta_6 SIZE_{it} + \beta_7 SIZE_{it}^2 + \lambda_1 GDP_t + \lambda_2 INF_t + \lambda_3 M2_t + \lambda_4 DUMMY-CRISIS + \varepsilon_{it} \quad (3.1)$$

*Trong đó:*

$Y_{it}$ : thanh khoản của ngân hàng  $i$  tại thời điểm  $t$  (đo lường bằng khe hở chuyển đổi thanh khoản)

$Y_{it-1}$ : thanh khoản của ngân hàng  $i$  tại thời điểm quá khứ ( $t-1$ )

$EFD_{it}$ : nguồn tài trợ bên ngoài của ngân hàng  $i$  tại thời điểm  $t$

$ETA_{it}$ : tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản của ngân hàng  $i$  tại thời điểm  $t$

DUMMY\_LISTED: ngân hàng niêm yết bằng 1 và ngân hàng chưa niêm yết bằng 0

LLPTL<sub>it</sub>: chi phí dự phòng trên tổng dư nợ của ngân hàng  $i$  tại thời điểm  $t$

ROE<sub>it</sub>: tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu của ngân hàng  $i$  tại thời điểm  $t$

SIZE<sub>it</sub>: quy mô tài sản của ngân hàng  $i$  tại thời điểm  $t$

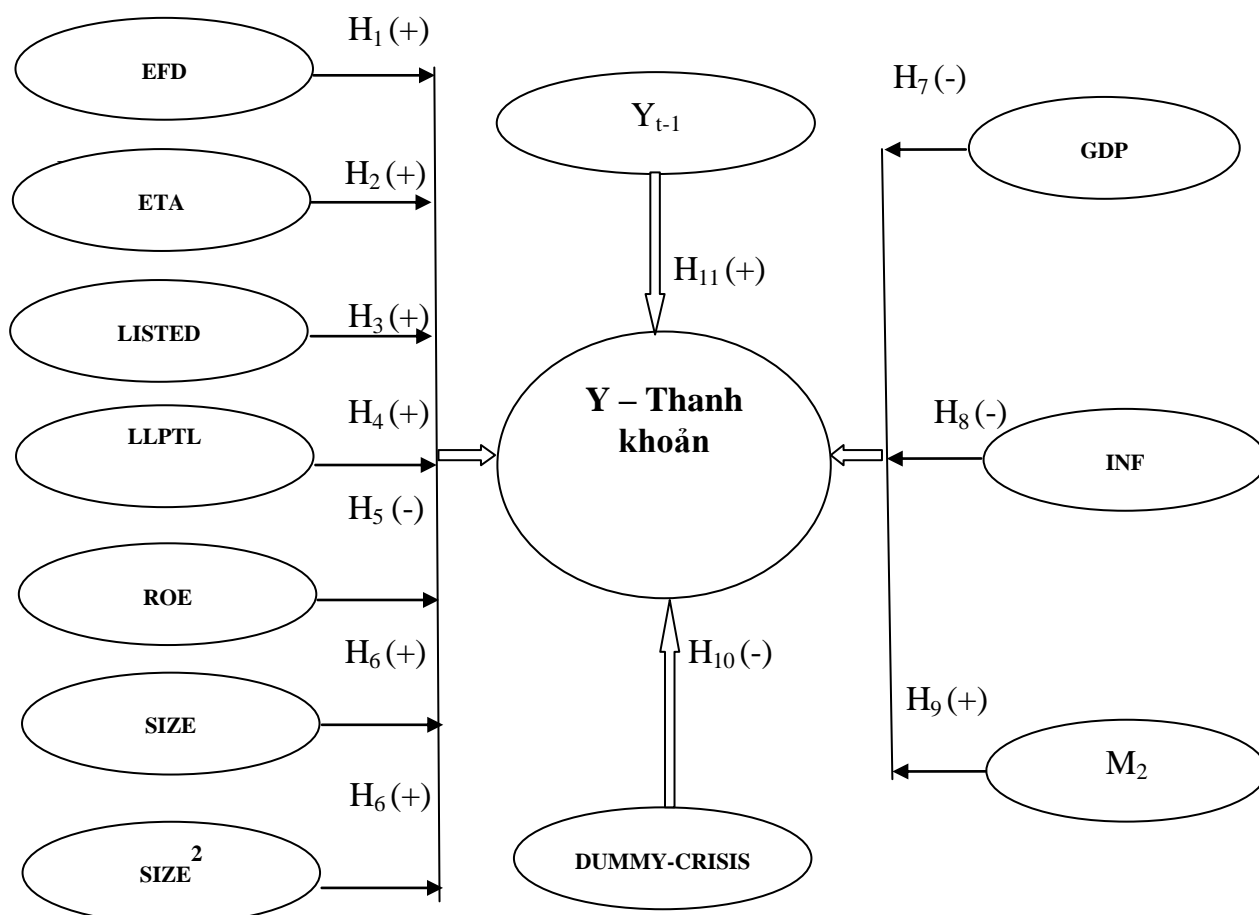
SIZE<sub>it</sub><sup>2</sup>: quy mô tài sản bình phương của ngân hàng  $i$  tại thời điểm  $t$

GDP<sub>t</sub>: tốc độ tăng trưởng năm  $t$

INF<sub>t</sub>: tỷ lệ lạm phát năm hiện hành  $t$

M<sub>2t</sub>: cung tiền năm  $t$

DUMMY\_CRISIS: bằng 1 trong giai đoạn khủng hoảng tài chính (2008-2010) và bằng 0 ngoài giai đoạn khủng hoảng tài chính (các năm còn lại)



Sơ đồ 1.1: Mô hình các nhân tố tác động đến thanh khoản của các NHTMVN

## Tóm lược chương 1

## CHƯƠNG 2

### PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG THANH KHOẢN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

#### 2.1. Bức tranh tổng thể về hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam

**Bảng 2.1: Số lượng các NHTM giai đoạn 2005-2017**

Stt	Loại hình	2005	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2017
1	NHTMNN	5	5	5	5	5	5	4	4
2	NHTMCP	37	37	37	34	34	33	31	31
3	NH Liên doanh	4	5	4	4	4	4	3	2
4	NH 100% Vốn nước ngoài	-	5	5	5	5	5	5	8
	Tổng cộng	46	52	51	48	48	47	43	45

**Nguồn:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

#### 2.2. Thực trạng thanh khoản và các nhân tố tác động đến của ngân hàng thương mại Việt Nam

Phần này luận án phân tích thực trạng thanh khoản thông qua các chỉ số chủ yếu như: chỉ số trạng thái tiền mặt, chỉ số chứng khoán thanh khoản, tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động và phân tích thực trạng một số nhân tố tác động đến thanh khoản của các NHTMVN.

##### 2.2.1. Thực trạng thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Thực trạng thanh khoản của các NHTMVN thông qua các chỉ số, tỷ lệ dự trữ thanh khoản của các ngân hàng (bao gồm chỉ số trạng thái tiền mặt và chỉ số chứng khoán thanh khoản), chỉ số vị thế ròng của các ngân hàng trên thị trường 2 và tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động.



### **2.2.2. Các nhân tố tác động đến thanh khoản của các ngân hàng thương mại Việt Nam**

Trong phần này tác giả tập trung phân tích thống kê mô tả giữa các nhân tố nội tại của ngân hàng như: quy mô tài sản, nguồn tài trợ bên ngoài, vốn sở hữu đến thanh khoản, chất lượng tài sản đến thanh khoản và lợi nhuận đến thanh khoản của hai nhóm ngân hàng, NHTMNN và NHTMCP tư nhân.

### **Tóm lược chương 2**

## **CHƯƠNG 3**

### **PHÂN TÍCH MÔ HÌNH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THANH KHOẢN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

#### **3.1. Quy trình và phương pháp nghiên cứu**

##### **3.1.1. Quy trình các bước thực hiện ước lượng và kiểm định mô hình**

Như đã trình bày trong mục 1.5.1, mục 1.5.2 và sơ đồ 1.1 Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của các NHTMVN. Với mô hình trên, các bước ước lượng và kiểm định được thực hiện như sau:

1. Mô tả dữ liệu bảng và biến giả
2. Dữ liệu
3. Ước lượng và kiểm định mô hình
4. Trình bày kết quả ước lượng mô hình và thảo luận kết quả nghiên cứu

##### **3.1.2. Phương pháp nghiên cứu**

###### **3.1.2.1. Mô tả dữ liệu bảng**

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu này được tập hợp từ báo cáo tài chính của các NHTMVN trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến 2015, hình thành nên dạng tổ chức dữ liệu bảng (panel data)

### **3.1.2.2. Mô tả biến giả**

Trong mô hình nghiên cứu này, tác giả sử dụng hai biến giả (Dummy variables), một biến giả để xác định sự khác biệt giữa NHTM niêm yết hay NHTM chưa niêm yết và một biến giả xác định thời kỳ trong khủng hoảng tài chính và thời kỳ ngoài khủng hoảng tài chính (trước và sau khủng hoảng). Biến giả là biến định tính, được gán giá trị 1 hoặc 0 và đưa vào mô hình hồi quy.

### **3.1.2.3. Dữ liệu**

Bộ dữ liệu sử dụng để kiểm định mô hình là dữ liệu dạng bảng không cân xứng (unbalanced panel data) của 31 NHTMVN trong thời gian 11 năm (từ năm 2005 đến năm 2015), gồm NHTMNN và NHTMCP tư nhân. Trong số 31 ngân hàng thì có 25 ngân hàng có dữ liệu đầy đủ 11 năm (balanced panel data), 6 ngân hàng thiếu dữ liệu: DongAbank (thiếu 1 quan sát), MDB (thiếu 1 quan sát), MHB (thiếu 1 quan sát), Oceanbank (thiếu 3 quan sát), PNB (thiếu 2 quan sát) và SHB (thiếu 1 quan sát). Dữ liệu được thu thập từ báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm, với lý do hiện nay phần lớn các ngân hàng đều phát triển theo hướng tập đoàn và kinh doanh đa ngành nghề nên báo cáo tài chính riêng lẻ không phản ánh đầy đủ tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của ngân hàng mà chỉ có báo cáo hợp nhất mới đáp ứng được mục tiêu trên.

## **3.2. Kết quả nghiên cứu**

### **3.2.1. Thống kê mô tả các biến**

#### **3.2.3. Kiểm định T-test**

Để kiểm định sự khác biệt giữa phân chia 2 nhóm ngân hàng theo quy mô tài sản (SIZE), phân chia ngân hàng niêm yết (LISTED) hay ngân hàng chưa niêm yết (UNLISTED) và chia giai đoạn khủng hoảng tài chính (2008-2010) và giai đoạn ngoài khủng hoảng tài chính (giai đoạn còn lại của phạm vi thời gian nghiên cứu), tác giả đã sử dụng kiểm định T-test.

#### **3.2.4. Ước lượng và kiểm định mô hình tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng**

### 3.2.4.1. Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình

**Bảng 3.5: Hệ số VIF giữa các biến giải thích**

Các biến	VIF	Hệ số 1/VIF	R <sup>2</sup>
LTGAP	1,6	0,6246	0,3754
EFD	1,2	0,8348	0,1652
ETA	2,43	0,4117	0,5883
LISTED	1,32	0,7589	0,2411
LLPTL	1,72	0,5813	0,4187
ROE	1,5	0,6649	0,3351
SIZE	3,53	0,2835	0,7165
Mean VIF	1,9		

*Nguồn:* Tính toán của tác giả

Kết quả ở Bảng 3.5: Ma trận tương quan giữa các biến cho thấy hệ số tương quan giữa các biến giải thích đều nhỏ, hệ số tương quan cao nhất cũng chỉ bằng 0,834 và VIF<sup>1</sup> của các biến trong mô hình đều nhỏ hơn 4,0. Do đó, có thể kết luận rằng không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến giải thích xảy ra trong các mô hình.

### 3.2.4.2. Kết quả ước lượng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng theo phương pháp GMM

Kết quả ước lượng được chia thành 2 nhóm ngân hàng: nhóm ngân hàng quy mô tài sản lớn và nhóm ngân hàng quy mô tài sản nhỏ. Ngoài ra, để có cơ sở so sánh sự khác biệt trong trường hợp tách nhóm và không tách nhóm, luận án còn xét tất cả các NHTMVN. Mỗi nhóm ngân hàng có 2 mô hình. Mô hình 1 bao gồm nhóm biến bên trong và nhóm biến bên ngoài và mô hình 2 bao gồm tất cả các

---

<sup>1</sup> Ghi chú: Hệ số nhân tử phóng đại phương sai được xác định theo công thức:  $VIF = 1/(1-R^2)$ . Trong đó,  $R^2_j$  là hệ số xác định hàm hồi quy phụ  $X_j$  theo các biến giải thích khác.

nhóm biến (nhóm biến bên trong, nhóm biến bên ngoài và biến khủng hoảng tài chính toàn cầu).

*Sau đây là bảng tổng hợp kết quả hồi quy theo phương pháp ước lượng GMM được chạy trên mềm STATA.*

**Bảng 3.6: Kết quả ước lượng hồi quy theo GMM**

Nhóm biến	Biến	Tất cả ngân hàng		Ngân hàng quy mô tài sản lớn		Ngân hàng quy mô tài sản nhỏ	
		Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 1	Mô hình 2
Biến bên trong ngân hàng	CONS	-33,70869***	-15,90805***	-13,28675	-116,9549*	13,09398*	8,488825
	LTGAP(t-1)	0,2251043***	0,0211552	0,702004***	0,1853892	0,349996***	0,354526***
	EFD	0,0932326	-0,29535***	-0,410766**	-0,913259***	0,1792962**	0,0999368
	ETA	0,0559016	-1,47515***	-0,2295469	-2,445248**	-0,45083***	-0,400748**
	LISTED	0,163389***	0,0352695	0,067394**	0,2117411**	0,0617014	-0,1507393
	LLPTL	-3,763311***	-1,143421	6,626058	-9,733547*	-8,353584**	-18,59223*
	ROE	-1,350906***	-2,06448***	-0,824827***	-2,139873***	-1,01404***	-0,8468825*
	SIZE	2,241607***	1,080474***	0,9018156	7,484842**	-0,9071216*	-0,6034734
	SIZE <sup>2</sup>	-0,036749***	-0,01768***	-0,0151684	-0,1186543**	0,0162059*	0,0116056*
Biến bên ngoài ngân hàng	GDP	2,399716**	3,543765***	4,091451**	3,048293*	-1,874198	-5,687278*
	INF	-0,999856***	-0,57753***	-0,0934311	-0,2867138	-0,56265***	-0,57840***
	M <sub>2</sub>	-0,442481***	-0,0985949*	-0,2309205	-0,4785081**	0,0350246	0,0148392
Biến khủng hoảng	CRISIS		0,0152079		-0,0005033		0,0714265*
Hansen test:		0.126	0.983	0.708	1.000	0.929	0.990
AR(1)		0.006	0.006	0.054	0.052	0.034	0.034
AR(2)		0.752	0.922	0.927	0.938	0.445	0.528

Ghi chú: Kết quả chạy từ phần mềm STATA. \*\*\*, \*\* và \* cho biết ý nghĩa 1%, 5% và mức 10% tương ứng.

Kết quả ước lượng theo phương pháp GMM đối với phương pháp đo lường biến phụ thuộc là khe hở chuyển đổi thanh khoản cho thấy các biến độc lập chia thành có nhóm khác nhau: nhóm biến có ý nghĩa thống kê và nhóm biến không có ý nghĩa thống kê, nhóm biến có tác động dương và nhóm biến có tác động âm đến biến phụ thuộc, có những biến có ý nghĩa thống kê trong mô hình này nhưng không có ý nghĩa thống kê trong mô hình khác,... Do vậy, luận án sẽ phân tích từng biến độc lập để xác định có hay không tác động của chúng đến biến phụ thuộc và ở mức độ nào.

### 3.2.4.3. Kết quả ước lượng của mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng theo từng phân vị của biến phụ thuộc

Ước lượng GMM chỉ cho kết quả của giá trị trung bình của biến phụ thuộc, tuy nhiên để kiểm định bổ sung ở các mức khác so với giá trị trung bình (giá trị cao hơn hoặc thấp hơn giá trị trung bình) của biến phụ thuộc thì các nhân tố trên tác động đến biến phụ thuộc như thế nào, luận án tiếp tục thực hiện sử dụng hồi quy phân vị (tứ phân vị) và chia giá trị của biến phụ thuộc theo các mức phân vị cơ bản tại các mức 25%, 50%, 75% và hai phân vị đầu và cuối là 10% và 90%.

*Dưới đây là bảng tổng hợp kết quả theo phương pháp hồi quy phân vị được chạy từ phần mềm STATA*

**Bảng 3.8: Kết quả hồi quy phân vị đối với ngân hàng quy mô tài sản lớn**

Biến	q10	q25	q50	q75	q90
EFD	-0.086 (0.195)	-0.137 (0.148)	-0.235 (0.166)	-0.301 ** (0.152)	-0.445 ** (0.181)
ETA	-1.201 (0.855)	-1.237 *** (0.451)	-1.406 *** (0.535)	-1.058 (0.806)	-1.395 * (0.747)
LISTED	-0.022 (0.050)	0.002 (0.033)	0.015 (0.034)	-0.046 (0.033)	-0.080 ** (0.034)
LLPTL	0.360 (2.649)	2.800 (1.805)	-0.132 (1.987)	-1.688 (1.624)	-0.298 (2.239)

ROE	-0.317 (0.221)	-0.297 * (0.156)	-0.482 *** (0.173)	-0.571 *** (0.201)	-0.551 *** (0.190)
SIZE	-0.471 (0.772)	1.050 (0.681)	1.764 *** (0.522)	2.205 *** (0.498)	0.834 (0.987)
SIZE <sup>2</sup>	0.007 (0.012)	-0.017 (0.011)	-0.028 *** (0.008)	-0.035 *** (0.008)	-0.014 (0.015)
GDP	-1.556 (2.377)	0.853 (2.263)	-0.050 (1.767)	-0.731 (2.252)	1.308 (2.254)
INF	-0.805 (0.591)	-1.052 ** (0.442)	-0.860 *** (0.258)	-0.859 *** (0.275)	-1.304 *** (0.227)
M <sub>2</sub>	-0.750 (0.624)	-0.425 ** (0.174)	-0.662 *** (0.180)	-0.631 *** (0.157)	-0.706 *** (0.190)
CRISIS	0.015 (0.053)	-0.025 (0.038)	-0.023 (0.033)	-0.051 (0.035)	-0.018 (0.043)
_CONS	8.299 (12.061)	-16.186 (10.818)	-27.060 *** (8.429)	-34.004 *** (8.158)	-11.772 (16.103)
N	166	166	166	166	166

*Ghi chú: Kết quả chạy từ phần mềm STATA. \*\*\*, \*\* và \* cho biết ý nghĩa 1%, 5% và mức 10% tương ứng.*

**Bảng 3.9: Kết quả hồi quy phân vị đối với ngân hàng quy mô tài sản nhỏ**

<b>Biến</b>	<b>q10</b>	<b>q25</b>	<b>q50</b>	<b>q75</b>	<b>q90</b>
EFD	-0.084 (0.358)	0.128 (0.125)	0.165 * (0.098)	0.289 *** (0.099)	0.169 (0.111)
ETA	-0.441 (1.059)	-0.567 * (0.329)	-0.963 *** (0.353)	-0.530 ** (0.240)	-0.466 *** (0.140)
LISTED	-0.102 (0.186)	0.009 (0.117)	0.016 (0.042)	0.043 (0.034)	0.011 (0.023)
LLPTL	-0.665 (5.382)	-2.872 (3.007)	-3.219 (2.869)	-2.106 (2.474)	-5.867 *** (2.044)
ROE	-1.616 (1.177)	-0.990 * (0.582)	-1.184 *** (0.386)	-0.740 * (0.392)	-0.816 *** (0.166)

SIZE	-0.002 (1.584)	-0.605 (0.708)	-0.422 (0.321)	-0.334 (0.312)	-0.110 (0.401)
SIZE <sup>2</sup>	0.002 (0.025)	0.011 (0.012)	0.008 (0.005)	0.006 (0.005)	0.003 (0.007)
GDP	2.093 (3.356)	-0.718 (2.450)	0.105 (1.692)	0.916 (1.654)	3.934 (2.843)
INF	-0.589 (0.819)	-0.515 ** (0.250)	-0.715 *** (0.231)	-0.549 ** (0.245)	-0.638 ** (0.315)
M <sub>2</sub>	0.571 (0.351)	0.018 (0.188)	-0.105 (0.187)	-0.289 * (0.167)	-0.156 (0.331)
CRISIS	-0.024 (0.052)	-0.003 (0.036)	-0.016 (0.028)	0.009 (0.032)	0.021** (0.031)
_CONS	-1.671 (25.024)	8.397 (10.606)	6.303 (4.705)	4.750 (4.477)	0.886 (5.893)
N	166	166	166	166	166

*Ghi chú: Kết quả chạy từ phần mềm STATA. \*\*\*, \*\* và \* cho biết ý nghĩa 1%, 5% và mức 10% tương ứng.*

*LTGAP càng cao thì thanh khoản của ngân hàng càng thấp*

### **Tóm lược chương 3**

## **CHƯƠNG 4**

### **CÁC HÀM Ý CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP**

#### **4.1. Cơ sở để đưa ra các hàm ý chính sách và giải pháp**

Kết quả phân tích tại chương 2 và chương 3 là cơ sở để đưa ra các hàm ý chính sách và giải pháp nhằm quản trị thanh khoản.

#### **4.2. Các hàm ý chính sách và giải pháp**

##### **4.2.1. Đối với các nhân tố đặc trưng của ngân hàng**

*Thứ nhất*, như đã trình bày tại chương 2, sự chuyển dịch từ NHTMCP nông thôn sang NHTMCP đô thị có quy mô tăng trưởng tài sản rất nhanh nhưng không



gắn liền với vấn đề điều hành và kiểm soát là nguyên nhân làm đổ vỡ của một số ngân hàng hiện nay. Điều này đặt ra vấn đề là cần nâng cao năng lực quản trị thanh khoản, các ngân hàng phải vận dụng các tiêu chuẩn quốc tế như chỉ số thanh khoản của hệ thống ngân hàng và chỉ số thanh khoản của từng nhóm quy mô ngân hàng.

*Thứ hai*, kết quả của hồi quy phân vị, cho thấy đối với nhóm ngân hàng quy mô tài sản nhỏ lệ thuộc nhiều vào EFD. Kết quả này hàm ý rằng tại các phân vị giá trị trung bình và cao của biến phụ thuộc, nhóm ngân hàng quy mô tài sản nhỏ cần chủ động đa dạng các nguồn cung thanh khoản

*Thứ ba*, kết quả nghiên cứu cho thấy vai trò tích cực của vốn chủ sở hữu đối với thanh khoản. Tuy nhiên, các ngân hàng cần xây dựng chiến lược tăng nguồn vốn phù hợp với quy mô của từng ngân hàng, từng giai đoạn phát triển. Song song đó, tăng vốn phải đi kèm với sử dụng nguồn vốn hợp lý để đảm bảo sự phát triển vốn bền vững và giảm bị áp lực về cổ tức đối với các cổ đông.

*Thứ tư*, kết quả nghiên cứu cho thấy biến niêm yết (LISTED) chỉ tác động tích cực đối với thanh khoản tại mức phân vị cao nhất. Kết quả này đã mở ra quan niệm rằng, không phải ngân hàng niêm yết nào cũng có thanh khoản tốt hơn ngân hàng chưa niêm yết. Do đó cần phải chọn thời điểm và điều kiện kinh tế thích hợp để niêm yết qua đó gia tăng thanh khoản của ngân hàng.

*Thứ năm*, tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng (LLPTL) có mối quan hệ cùng chiều đối với thanh khoản của NHTMVN. Điều đó đòi hỏi các ngân hàng cần phải trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho những khoản cho vay có rủi ro, dự phòng rủi ro tín dụng sẽ giúp cho ngân hàng chủ động hơn và giảm sốc khi xảy ra rủi ro thanh khoản, đặc biệt là tại mức phân vị cao (LTGAP lớn) của biến phụ thuộc.

*Thứ sáu*, kết quả nghiên cứu cho thấy lợi nhuận hay ROE có mối quan hệ thuận chiều với thanh khoản tại tất cả các phân vị. Điều này hàm ý rằng các nhà quản trị ngân hàng cần phải cân bằng giữa mục tiêu lợi nhuận và rủi ro thanh khoản, đặc biệt là tại phân vị cao của biến phụ thuộc.

*Thứ bảy*, quy mô tài sản ngân hàng ảnh hưởng đến thanh khoản của hai nhóm ngân hàng khác nhau. Kết quả phân tích tại chương 2 và chương 3 đều cho thấy rằng các nhóm ngân hàng quy mô tài sản lớn thường được hưởng dụng ngầm định từ Nhà nước nhiều hơn so với ngân hàng quy mô tài sản nhỏ. Kết quả nghiên cứu mở ra quan niệm là cần xem xét mức độ can thiệp của NHNN đối với NHTM có quy mô lớn, nhất là những NHTM quốc doanh.

#### **4.2.2. Đối với các nhân tố bên ngoài**

*Thứ nhất*, kết quả ước lượng GMM cho thấy tác động GDP đến thanh khoản ở mức giá trị trung bình chung của hai nhóm ngân hàng có kết quả khác nhau. GDP tác động ngược chiều với thanh khoản của nhóm ngân hàng quy mô tài sản lớn và tác động chiều với ngân hàng quy mô tài sản nhỏ. kết quả nghiên cứu hàm ý rằng cần phải xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn và ổn định, trong đó nhấn mạnh đến tăng trưởng tín dụng ngân hàng phải dựa vào tính đặc thù của từng nguồn vốn.

*Thứ hai*, kết quả kiểm nghiệm mô hình cho thấy lạm phát (INF) có tác động cùng chiều với thanh khoản tại hầu hết phân vị của biến phụ thuộc của hai nhóm ngân hàng. Kết quả phân tích về tác động của INF tại chương 3, qua đó đặt ra vai trò của Chính phủ, NHNN trong việc thiết lập, thực thi một cách thận trọng và kiên định những chính sách, tạo niềm tin cho công chúng

*Thứ ba*, kết quả của mô hình cho thấy cung tiền  $M_2$  theo các hình thức khác nhau đóng vai trò quan trọng đối với nguồn cung thanh khoản của ngân hàng, đặc biệt là ngân hàng quy mô tài sản lớn. Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng chính sách cung tiền  $M_2$  cần phải gắn liền với hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế, qua đó cung tiền vừa làm tăng khả năng thanh khoản của ngân hàng và vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

*Thứ tư*, như kết quả phân tích tại chương 3 cho thấy khủng hoảng tài chính toàn cầu (CRISIS) chỉ tác động ngược chiều với thanh khoản tại các phân vị cao của nhóm ngân hàng quy mô tài sản nhỏ, còn đối với các phân vị còn lại của biến phụ thuộc của cả hai nhóm ngân hàng quy mô tài sản nhỏ và nhóm ngân hàng quy

mô tài sản lớn đều thấy CRISIS có tác động cùng chiều với thanh khoản. Điều này hàm ý rằng thời kỳ khủng hoảng những ngân hàng quy mô tài sản nhỏ do không có được lợi thế về nguồn lực tài chính, uy tín và thương hiệu trên thị trường tài chính thì cần cẩn trọng hơn trong hoạt động

#### **Tóm lược chương 4**

### **KẾT LUẬN CHUNG VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO**

#### **Kết luận chung**

Như đã phân tích tại các chương ở trên, thanh khoản đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tổ chức tín dụng, trong đó có các NHTM. Để quản trị thanh khoản có hiệu quả đồng nghĩa với việc xác định phương pháp đo lường thanh khoản phù hợp song song với phân tích, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng. Luận án hoàn thành mục tiêu đã đặt ra là xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của từng nhóm ngân hàng dựa trên quy mô tổng tài sản và đưa ra hàm ý chính sách và các giải pháp cho từng nhóm ngân hàng. Luận án cũng đã đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn như sau:

*Thứ nhất*, luận án làm rõ khái niệm thanh khoản với bản chất là thanh khoản không phải là một số tiền cụ thể nào đó, mà thanh khoản là sự thể hiện khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết của một ngân hàng.

*Thứ hai*, luận án đã hệ thống lại các lý thuyết thanh khoản, từ lý thuyết tạo thanh khoản của ngân hàng theo nghiên cứu của Bryant (1980) và Diamond & Dybvig (1983) đến các phương pháp đo lường thanh khoản được vận dụng và các nghiên cứu thực nghiệm trong thời gian qua, từ đó luận án đã lựa chọn phương pháp đo lường thanh khoản và nhân tố tác động đến thanh khoản phù hợp cho các NHTMVN.

*Thứ ba*, luận án đã làm rõ thực trạng thanh khoản và phân tích mô tả các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của các NHTMVN qua số liệu tổng hợp và

thống kê mô tả. Trên cơ sở đó, luận án đưa ra các nguyên nhân và rút ra những hạn chế để kiến nghị các giải pháp.

*Thứ tư*, trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và các nghiên cứu thực nghiệm về thanh khoản, phương pháp đo lường và các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của ngân hàng. Luận án xây dựng mô hình nghiên cứu là mô hình hồi quy động và sử dụng phương pháp ước lượng GMM để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản ở mức giá trị trung bình chung và phương pháp hồi quy phân vị để đánh giá tác động của các nhân tố đến thanh khoản tại các mức giá trị khác nhau.

*Thứ năm*, từ kết quả nghiên cứu, luận án đã đưa ra các hàm ý chính sách và giải pháp cho từng nhóm ngân hàng và từng nhóm nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản gồm nhóm nhân tố bên trong, đặc thù của ngân hàng và nhóm nhân tố bên ngoài nhằm quản trị thanh khoản của ngân hàng có hiệu quả

### **Hạn chế của luận án và hướng nghiên cứu tiếp theo**

Các kết quả nghiên cứu trên đã đáp ứng mục tiêu của luận án đặt ra. Tuy nhiên, luận án vẫn còn tồn tại một số hạn chế và cần có hướng nghiên cứu tiếp theo.

*Thứ nhất*, bộ dữ liệu bảng bất cân xứng được thu thập từ 31 ngân hàng, với chuỗi thời gian tương đối ngắn, chỉ 11 năm là một hạn chế của luận án.

*Thứ hai*, luận án chỉ sử dụng một phương pháp đo lường thanh khoản theo LTGAP. Tuy nhiên, phương pháp này có hạn chế nhất định khi chỉ cho thấy sự mất cân đối về kỳ hạn giữa nợ phải trả và tài sản. Phương pháp đo lường này không xác định được giá trị thanh khoản mà ngân hàng tạo ra cho nền kinh tế vốn được xem là phương pháp đo lường thanh khoản đáng tin cậy hiện nay. Với lý do, phương pháp BB sử dụng cả dữ liệu tài khoản ngoại bảng (off-balance sheet) là những cam kết hoặc bảo lãnh tín dụng, vốn không được xem là quan trọng đối với NHTMVN nên ít được quan tâm để thu thập hoặc thu thập không đầy đủ.

*Cuối cùng*, luận án chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm bằng chứng các nhân tố ảnh hưởng đến thanh khoản của các NHTMVN mà tác giả chưa đủ điều kiện để so sánh với một số nước tương đồng để kết quả nghiên cứu mang tính phổ quát hơn.

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. “Những nhân tố tác động đến rủi ro thanh khoản của ngân hàng thương mại Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 11, tháng 6 – 2014.
2. “Phân tích mối quan hệ giữa rủi ro thanh khoản và hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Việt Nam”, *Tạp chí công thương*, số 8 – tháng 8 – 2016.
3. “Nghiên cứu mô hình định giá điều chuyển vốn trong hệ thống ngân hàng”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia Thống kê và tin học ứng dụng*, ISBN: 978-604-1862-5, tháng 11 – 2016.
4. “Đổi mới quản lý vốn tự có ngân hàng để hội nhập AEC: Thực trạng và giải pháp”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia năm 2016 “Phát triển kinh tế- xã hội vùng Tây nguyên”*, ISBN: 978-604-60-0000-0, tháng 2 – 2017.
5. “Ảnh hưởng của thanh khoản đến tỷ suất sinh lợi của các ngân hàng Việt Nam – phân tích bằng hồi quy phân vị”, *Tạp chí Công nghệ ngân hàng*, số 133, tháng 4 – 2017.
6. “Đánh giá thanh khoản của ngân hàng thương mại Việt Nam qua các chỉ số tài chính”, *Tạp chí Phát triển & Hội nhập*, số 35-36 (45-46), tháng 7-10, năm 2017.